

ÔN LUYỆN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT VÒNG THI CẤP HUYỆN

Họ và tên: Lớp:

Phần 1: Hồ con thiên tài

Em hãy giúp bạn Hồ vàng sắp xếp lại vị trí các ô trống để thành câu, hoặc phép tính phù hợp.
Sai quá 3 lần bài thi sẽ dừng lại

Câu 1:

chen	trắng	vàng.	xanh	nhị	Lá	lại	bông

Câu 2:

điều	gương.	lấy	giá	Nhiều	phủ

Câu 3:

cùng.	phải	trong	thương	một	nhau	nước	Người

Câu 4:

xòe	công	rỡ.	chiếc	rực	Chim	đuôi

Câu 5:

điều	bầu	bay	Con	cao	vút	trên	trời.

Câu 6:

ả	m	ùng	d	c

Câu 7:

sen.	đẹp	bằng	Trong	gì	đằm

Câu 8:

ăm	ch	ỉ	Ch

Câu 9:

có	như	cha	có	nhà	nóc.	Con

Phần 2. Trắc nghiệm:

Câu 1. Đáp án nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ đặc điểm?

- A. ngư dân, nhà sàn B. tàu hỏa, tha thiết
C. móm mém, mỏng manh D. bận rộn, bản đồ

Câu 2. Đọc đoạn hội thoại dưới đây và cho biết câu nào sử dụng sai dấu câu?

“(1) Một con cò bay qua ruộng lúa của người nông dân. (2) Người nông dân đang chăm lúa thấy có nhiều cây lúa bị đổ. Ông ta liền trách mắng cò:

- (3) Con cò kia, sao lại giẫm lúa của ông.

Cò lễ phép đáp:

- (4) Không, tôi chỉ đứng trên bờ thôi ạ. Mẹ con cái diệc đổ oan cho tôi. Ông không tin thì đến đây này, mẹ con nhà nó còn ngồi ở đây.”

A. câu (1) B. câu (2) C. câu (3) D. câu (4)

Câu 3. Câu nào sử dụng sai dấu chấm hỏi?

A. Tết năm nay, nhà mình ra bờ hồ xem pháo hoa được không mẹ?

B. Lũy tre tỏa bóng che nắng cho trâu nằm?

C. Lớp trưởng lớp cậu tên Hoàng Nam phải không?

D. Bài toán này đáp án bằng bao nhiêu vậy Nguyệt?

Câu 4. Tiếng “chín” có thể ghép với tiếng nào để tạo thành từ chỉ đặc điểm?

A. chán B. nấu C. số D. mười

Câu 5. Câu nào sử dụng sai dấu chấm hỏi?

A. Cậu vẫn khỏe và học tốt chứ?

B. Quê ngoại của Dương ở đâu thế?

C. Tuần sau trường em tổng kết năm học à?

D. Quê mẹ là nơi ấp ủ tình yêu thương?

Câu 6. Đáp án nào dưới đây ghép với từ “hoa mai” để tạo thành câu có nghĩa?

A. nở vào dịp Tết B. cuộn cuộn chảy

C. trưng bày cổ vật D. chăm ngoan, học giỏi

Câu 7. Câu nào sử dụng sai dấu chấm hỏi?

A. Sao con lại nói thế?

B. Chúng ta có thể kết bạn được không?

C. Em tập thể dục thường xuyên để làm gì?

D. Hoa đào nở hồng rực cả một sườn đồi trên bản em?

Câu 8. Tiếng “thu” có thể ghép với tiếng nào để tạo thành từ chỉ hoạt động?

A. hoạch B. xuân C. đông D. thi

Câu 9. Câu tục ngữ nào dưới đây nói về tình cảm gia đình?

A. Đói cho sạch, rách cho thơm. B. Cái răng, cái tóc là góc con người.

C. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn D. Con có cha như nhà có nóc.

Câu 10. Từ nào dưới đây có nghĩa giống với từ “gọn gàng”?

A. lộn xộn B. sắp xếp C. bừa bãi D. ngăn nắp

Câu 10. Từ nào dưới đây có nghĩa là “có thái độ nhã nhặn, lễ độ trong xã giao, phù hợp với quan niệm và phép tắc chung của xã hội.”

A. đoàn kết B. kỷ luật C. dịu dàng D. lịch sự

Câu 11. Câu nào dưới đây có từ viết sai chính tả?

- A. Những tán lá của cây cổ thụ tỏa bóng mát xuống sân.
- B. Lễ hội hôm nay rất sôi động.
- C. Dưới làn nước xanh trong, cá heo vọt lên nhào lộn rất điêu luyện.
- D. Em được bố mẹ dẫn tới câu lạc bộ biểu diễn xiếc thú.

Câu 12. Đáp án nào dưới đây gồm các tên các bạn học sinh đã được sắp xếp đúng theo thứ tự theo bảng chữ cái?

- A. Uyên, Nhi, Đan, Vũ
- B. Thanh, Mai, Thảo, Quỳnh
- C. Hiền, Dương, Bảo, Quân
- D. Đăng, Giang, Hằng, Vân

Câu 13. Câu nào dưới đây sử dụng đúng dấu chấm than?

- A. Các cháu có thể nói nhỏ hơn không!
- B. Trời ơi, chiếc váy màu hồng kia đẹp quá!
- C. Mình đã gặp bài toán này ở đâu rồi nhỉ?
- D. Cô ấy hát bài gì thế nhỉ?

Câu 14. Câu nào sử dụng sai dấu chấm hỏi?

- A. Em có thích con gấu bông này không?
- B. Đàn gà con đang theo mẹ kiếm ăn?
- C. Bạn tốt là người như thế nào?
- D. Chú của em làm nghề gì?

Câu 15. Từ nào dưới đây không cùng nhóm nghĩa với các từ còn lại?

- A. cô giáo
- B. công an
- C. nhớ nhung
- D. bác sĩ

Câu 16. Câu nào dưới đây có từ viết sai chính tả?

- A. Làng bản, rừng núi chìm trong sương mù.
- B. Những người nông dân vác cuốc, dắt trâu ra đồng.
- C. Những vườn hoa rực rỡ trong ánh bình minh.
- D. Con đường từ huyện vào bản tôi rất đẹp.

Câu 17. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ dưới đây?

“Ăn kĩ no..., cấy sâu lúa tốt”

- A. nhanh
- B. lâu
- C. căng
- D. nhiều

Câu 18. Từ nào dưới đây có nghĩa là “giản dị, đơn sơ, giữ nguyên vẻ tự nhiên”?

- A. phong phú
- B. xơ xác
- C. mộc mạc
- D. nguy nga